

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày : 16/10/ 2020
Về yêu cầu ly hôn và
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Xa Kỳ Tiến.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Trọng Huệ, bà Phạm Thị Dân.
- *Th1 ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đào Thị Thanh Huyền
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Thủy - *Kiểm sát viên.*

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đà Bắc.

Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2020/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị X, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn A, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.
3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Quuyền, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn thì: Chị Bùi Thị X và anh Bùi Văn A kết hôn với nhau ngày 27/02/2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT (nay là xã MC), huyện Đ, tỉnh Hòa Bình, hôn nhân do hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh A hay ghen tuông, uống rượu say rồi đánh đập chị X. Mâu thuẫn kéo dài, đỉnh điểm đến năm 2018 - 2019, anh A thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình cả về thể xác lẫn tinh thần. Khi chị X yêu cầu ly hôn thì anh A không đồng ý và xúc phạm, đe dọa cả gia đình chị X. Lần gần nhất là ngày 18/3/2020, sau khi uống rượu, anh A lấy một đoạn cây gỗ đập, đánh chị X, khiến chị X phải bỏ về nhà mẹ đẻ. Chị X đã sống ly thân từ tháng

3/2020 cho đến nay. Thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Huy Th, sinh ngày 04/01/2003 và Bùi Thị Anh Th1, sinh ngày 03/6/2007. Nguyên vọng của chị X là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và chưa yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hai bên không thống nhất được quan điểm. Anh A không đồng ý ly hôn và đề nghị chị X quay về đoàn tụ vì cho rằng vẫn còn yêu thương vợ. Về phía chị X vẫn yêu cầu được ly hôn vì không còn tình cảm đối với anh A, chị không thể tiếp tục sống chung với một người chồng bạo lực như anh A được.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị X trình bày quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn A và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Anh Th1, tôn trọng ý kiến và nguyên vọng của cháu Bùi Huy Th

Về phía bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh A vẫn vắng mặt không có lý do lần thứ hai, do đó không thể hiện được ý chí, nguyên vọng tại phiên tòa.

Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật TTDS.

Về nội dung: Lý do chị X yêu cầu ly hôn là do anh A hay ghen tuông, uống rượu say, có hành vi bạo lực gia đình, tình cảm vợ chồng không còn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 68, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/NQ-UBTTQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội, chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị X. Về con chung: giao cháu Bùi Thị Anh Th1 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, tôn trọng ý kiến và nguyên vọng của cháu Bùi Huy Th. Do chị X sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí hợp lệ, đề nghị miễn án phí cho chị X.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc:

- Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng về tổng đạt các giấy tờ, tài liệu, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Th1 ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng về xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật TTDS; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không thực hiện quyền, nghĩa vụ nên đã gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Xét đơn yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị X là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung của chị Bùi Thị X. Giao cháu Bùi Thị Anh Th1 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chị X chưa yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con chung, tôn trọng ý kiến của cháu Bùi Huy Th là có nguyện vọng sống cùng bố sau khi bố mẹ ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Huy Th cho anh Bùi Văn A trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ đối với con cái thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

-Về án phí: Chị X là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật để áp dụng.

-Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình về yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, bị đơn Bùi Văn A có hộ khẩu Thường trú và chỗ ở tại xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về quyền, nghĩa vụ: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa án. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật TTDS nên anh A không thể hiện được ý chí của mình được quy định tại Điều 91 của Bộ luật TTDS.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị X và anh Bùi Văn A tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT (nay là xã MC), huyện Đ, tỉnh Hòa Bình từ năm 2002. Do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống khá hạnh phúc nhưng sau vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh A hay ghen tuông, uống rượu say rồi đánh đập chị X. Đến tháng 3/2020 thì chị X bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân cho đến nay.

Qua xác minh tình trạng hôn nhân thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng là có thật, anh A hay uống rượu say và nhiều lần đánh đập chị X. Điều này được khẳng định qua ý kiến anh Bùi Văn D, Trưởng thôn và anh Bùi Văn D1, Công an viên xóm C. Khi chị X làm đơn yêu cầu ly hôn, anh A không đồng ý và mong chị X quay về đoàn tụ. Tại biên bản hòa giải ngày 17/8/2020, anh A thừa nhận có hành vi bạo lực đối với chị X tuy nhiên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ, chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, anh A nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X đối với anh A là phù hợp và có căn cứ theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Bùi Huy Th, sinh ngày 04/01/2003 và Bùi Thị Anh Th1, sinh ngày 03/6/2007. Nguyên vọng của chị X sau khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Anh Th1 và chưa yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, chị X tôn trọng nguyên vọng của cháu Bùi Huy Th. Tại biên bản hòa giải ngày 17/8/2020, anh A đưa ra ý kiến nếu ly hôn thì việc nuôi con chung tùy theo nguyên vọng của các con.

Nguyên vọng của cháu Bùi Huy Th là được sống cùng bố, còn cháu Bùi Thị Anh Th1 thì muốn cùng sống với mẹ.

Trên cơ sở xem xét điều kiện thực tế, đề nghị, nguyên vọng của chị X, anh A và các cháu Th và Th1, Hội đồng xét xử xét thấy việc để chị X trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Anh Th1; còn anh A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Huy Th là phù hợp và đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Chị X và anh A chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung : Không có, không đề nghị giải quyết.

[5] Về án phí: Chị X là người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí và có xác nhận của chính quyền địa phương nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị X đối với anh Bùi Văn A. Xử cho chị Bùi Thị X được ly hôn anh Bùi Văn A.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Anh Th1, sinh ngày 03/6/2007 cho chị Bùi Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Th1 đủ 18 tuổi hoặc khi có quy định khác của pháp luật. Giao cháu Bùi Huy Th, sinh ngày 04/01/2003 cho anh Bùi Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi hoặc khi có quy định khác của pháp luật. Chị X và anh A chưa yêu cầu cấp dưỡng. Chị X và anh A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị X và anh A thực hiện quyền này. Khi có thay đổi, chị X và anh A có quyền yêu cầu thay đổi quyền trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Bùi Thị X được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được hoàn lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003354 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS Đà Bắc;
- Các đương sự;
- UBND X. M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Xa Kỳ Tiến

